

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 14 - 44 |
| 8. Phụ lục 01: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Dự án Xenamnoy năm 2016 | 45 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Cavico Cung ứng Nhân lực) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 12 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty, thay đổi số đăng ký kinh doanh theo mã số doanh nghiệp là 0102307343 và tăng vốn điều lệ, trong đó thay đổi lần thứ 12 ngày 12 tháng 10 năm 2016 thay đổi địa điểm đăng ký kinh doanh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 04.35738555
- Fax : 04.38564666

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:
 - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất;
 - Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê;
 - Xây dựng đường hầm;
 - Các công trình xây dựng khác không phải nhà cửa như: Các công trình thể thao ngoài trời;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế, vật liệu xây dựng như: cát, sỏi, kính phẳng, ống nổi, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác, bình đun nước nóng, thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su, dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác:
 - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;
 - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Cho thuê máy móc và đồ dùng hữu hình khác: cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp, xây dựng và văn phòng;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Giáo dục nghề nghiệp: dạy nghề (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, lao động đi làm việc ở nước ngoài (theo giấy phép số 209/LĐT BXH-GP ngày 9/11/2009);
- Kinh doanh bất động sản.

(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|--------------------|--------------|---------------------------------------|
| Ông Phạm Minh Phúc | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013 |
| Ông Kim Ngọc Nhân | Phó Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013 |
| Ông Nguyễn Văn Phi | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2013 |
| Bà Nguyễn Thị Loan | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 11 năm 2013 |
| Ông Đào Tiến Dương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|---------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Phạm Hồng Anh | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2016 |
| Ông Ngô Văn Tĩnh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2016 |
| Bà Trương Thị Luyến | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2016 |
| Ông Phạm Văn Trọng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2014 |
| Bà Ngô Thị Trang | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2016 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|-----------------------|-------------------|------------------------------------|
| Ông Kim Ngọc Nhân | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2008 |
| Ông Dương Ngọc Trường | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2007 |
| Ông Nguyễn Văn Phi | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2011 |
| Bà Đinh Thị Thủy | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014 |
| Ông Trần Văn Trung | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2015 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Kim Ngọc Nhân - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2008).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2017



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Vo St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 250/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2017, từ trang 07 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

3-C
HÀ
T
M
V
& C
HÀ M
T

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1708-2013-008-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 221.016.334.893 | 232.349.132.016 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 18.157.241.050 | 58.787.051.446 |
| 1. Tiền | 111 | | 7.657.241.050 | 33.612.634.779 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 10.500.000.000 | 25.174.416.667 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 5.445.814.720 | 17.742.963.176 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 5.445.814.720 | 17.742.963.176 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 80.048.366.368 | 71.012.608.108 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3a | 44.101.559.127 | 32.828.221.586 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 7.085.072.223 | 729.201.398 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5 | - | 11.574.000.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6a | 56.473.309.453 | 42.359.775.954 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.7 | (27.611.574.435) | (16.478.590.830) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 107.235.410.532 | 71.905.846.944 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.8 | 107.235.410.532 | 71.905.846.944 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 10.129.502.223 | 12.900.662.342 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9a | 2.391.381.129 | 5.037.818.410 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 7.738.121.094 | 7.862.843.932 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 120.120.081.339 | 111.375.802.256 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 40.280.539.555 | 49.136.913.155 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | V.3b | 39.021.739.555 | 48.181.982.463 |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.6b | 1.258.800.000 | 1.992.564.490 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | V.7 | - | (1.037.633.798) |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 14.233.623.883 | 16.692.560.664 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 14.080.023.541 | 16.518.014.826 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 32.620.454.787 | 37.844.892.545 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (18.540.431.246) | (21.326.877.719) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 153.600.342 | 174.545.838 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 247.455.000 | 247.455.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (93.854.658) | (72.909.162) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 65.236.871.684 | 43.664.154.420 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.2b | 62.954.570.000 | 21.030.000.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2b | - | 20.105.600.000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.2b | (803.401.192) | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | V.2a | 3.085.702.876 | 2.528.554.420 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 369.046.217 | 1.882.174.017 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9b | 369.046.217 | 1.882.174.017 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 341.136.416.232 | 343.724.934.272 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 152.225.547.761 | 138.572.372.091 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 145.601.457.326 | 119.880.776.406 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12a | 69.220.500.076 | 20.810.845.893 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 27.804.664.466 | 18.968.982.658 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 1.248.330.504 | 6.201.466.432 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 9.331.510.149 | 12.167.717.543 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 719.403.291 | 188.935.805 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | 36.818.182 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.16 | 1.930.499.615 | 14.616.875.615 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.17a | 34.023.297.913 | 45.565.882.966 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.18 | 1.323.251.312 | 1.323.251.312 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 6.624.090.435 | 18.691.595.685 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | V.12b | 6.624.090.435 | 15.481.396.818 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | 2.864.242.599 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | 12.621.600 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.17b | - | 333.334.668 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 188.910.868.471 | 205.152.562.181 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.19 | 188.910.868.471 | 205.152.562.181 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 172.000.000.000 | 172.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 172.000.000.000 | 172.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | (211.950.000) | (211.950.000) |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 4.827.939.835 | 3.881.309.836 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 12.294.878.636 | 29.483.202.345 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 11.207.572.346 | 29.483.202.345 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 1.087.306.290 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 341.136.416.232 | 343.724.934.272 |

Lập, ngày 26 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Ngô Văn Tinh



Đinh Thị Thủy



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|----------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 189.122.505.345 | 291.876.199.323 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 189.122.505.345 | 291.876.199.323 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 159.967.965.020 | 245.567.919.690 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 29.154.540.325 | 46.308.279.633 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 2.924.847.155 | 5.812.039.636 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 4.254.146.625 | 5.433.996.235 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 2.497.267.725 | 2.740.283.408 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 22.917.047.789 | 20.639.815.826 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 4.908.193.066 | 26.046.507.208 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 382.900.961 | 14.384.661.559 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 3.171.084.517 | 13.319.385.501 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (2.788.183.556) | 1.065.276.058 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 2.120.009.510 | 27.111.783.266 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.14 | 1.032.703.220 | 7.450.626.129 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>1.087.306.290</u> | <u>19.661.157.137</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8 | - | - |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.8 | - | - |

Người lập biểu



Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 26 tháng 3 năm 2017



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|-------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 2.120.009.510 | 27.111.783.266 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 5.039.500.999 | 6.908.288.647 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 10.898.750.999 | 5.158.525.736 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (41.629.359) | (1.189.777.963) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (1.658.892.780) | (2.685.511.074) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 2.497.267.725 | 2.740.283.408 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 18.855.007.094 | 38.043.592.020 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (22.094.212.161) | (35.253.539.629) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | (35.329.563.588) | (10.104.125.927) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | 25.636.377.435 | (26.440.293.166) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 4.159.565.081 | (3.879.252.399) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (2.504.012.835) | (2.900.782.414) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (5.761.988.469) | (5.258.641.256) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (17.038.827.443) | (45.793.042.771) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (1.506.392.205) | (6.968.278.454) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | 2.865.454.546 | 1.391.818.182 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (16.260.000.000) | (18.790.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 39.574.000.000 | 4.802.386.824 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (21.818.970.000) | (20.105.600.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 2.834.783.942 | 3.127.096.946 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 5.688.876.283 | (36.542.576.502) |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết | | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|------------|-------------------------|-----------------------|
| | số | minh | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | 79.788.050.000 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.17 | 82.231.791.766 | 119.452.388.273 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.17 | (94.314.479.998) | (111.692.552.892) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.19 | (17.200.000.000) | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <i>(29.282.688.232)</i> | <i>87.547.885.381</i> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (40.632.639.392) | 5.212.266.108 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 58.787.051.446 | 53.565.146.556 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 2.828.996 | 9.638.782 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 18.157.241.050 | 58.787.051.446 |

Người lập biểu



Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 26 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng và cung ứng nhân lực.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính 2016, Dự án Senji của đơn vị bị tạm ngừng do bị gián đoạn dòng vốn từ chủ đầu tư. Điều này dẫn đến lợi nhuận trong năm, số lượng lao động tại thời điểm cuối năm giảm so với năm trước.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---|---|---|---------------|---------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại | Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội | Thương mại | 100% | 100% | 100% |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường TKV | Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'Lấp, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam | Xây lắp và hoạt động khai thác khoáng sản | 68,44% | 68,44% | 68,44% |
| Công ty TNHH CM Xây dựng (*) | Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội | Xây lắp và Thương mại | 0% | 100% | 100% |
| Công ty Cổ phần CM Thành Đông (*) | Phố Cộng Hòa, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. | Xây lắp và Thương mại | 0% | 79,69% | 69,67% |

(*) Công ty TNHH CM Xây dựng và Công ty Cổ phần CM Thành Đông là Công ty con của Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại, theo đó các công ty này là công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
8. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 331 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 539 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Các giao dịch bằng ngoại tệ**
Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh. -
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ bình quân của các Ngân hàng Công ty mở tài khoản.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty mở tài khoản.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của từng công trình được xác định như sau:

$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ}$$

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí theo thời gian hữu dụng của chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Máy móc và thiết bị | 4 – 6 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 |

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nhận diện thương hiệu

Nguyên giá của nhận diện thương hiệu bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 868.248.254 | 28.464.740 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 6.788.992.796 | 33.584.170.039 |
| Các khoản tương đương tiền | | |
| - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng | 10.500.000.000 | 25.174.416.667 |
| Cộng | 18.157.241.050 | 58.787.051.446 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Ngắn hạn | 5.445.814.720 | 5.445.814.720 | 17.742.963.176 | 17.742.963.176 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 5.445.814.720 | 5.445.814.720 | 17.742.963.176 | 17.742.963.176 |
| Dài hạn | 3.085.702.876 | 3.085.702.876 | 2.528.554.420 | 2.528.554.420 |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 3.085.702.876 | 3.085.702.876 | 2.528.554.420 | 2.528.554.420 |
| Cộng | 8.531.517.596 | 8.531.517.596 | 20.271.517.596 | 20.271.517.596 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư vào công ty con | 62.954.570.000 | (803.401.192) | 21.030.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại ⁽ⁱ⁾ | 21.030.000.000 | (803.401.192) | 21.030.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV ⁽ⁱⁱ⁾ | 41.924.570.000 | - | - | - |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | | 20.105.600.000 | - |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV ⁽ⁱⁱ⁾ | - | - | 20.105.600.000 | - |
| Cộng | 62.954.570.000 | (803.401.192) | 41.135.600.000 | - |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103039377 ngày 24 tháng 07 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây lắp Nam Việt (nay là Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại) 21.030.000.000 VND, tương đương với 100% vốn điều lệ. Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại chưa thực hiện thay đổi được Giấy phép đăng ký kinh doanh về loại hình doanh nghiệp.

(ii) Trong năm, Công ty đã mua thêm 1.773.900 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV với giá trị mua là 21.818.970.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 3.421.900 cổ phiếu, tương đương 68,44% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV (số đầu năm là 1.648.000 cổ phiếu, tương đương 32,96% vốn điều lệ).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên kết như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------|--------------------|-----------|
| Số đầu năm | - | - |
| Trích lập dự phòng | 803.401.192 | - |
| Số cuối năm | 803.401.192 | - |

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------|----------------|
| Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại | | |
| Mua hàng hóa, vật tư | 3.907.365.450 | 20.043.833.528 |
| Doanh thu cho thuê văn phòng | 54.204.544 | 72.272.724 |
| Vay của Công ty con | 2.500.000.000 | 17.100.000.000 |
| Lãi vay phải trả | 31.608.514 | - |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường-TKV | | |
| Mua cổ phần của các cổ đông khác | 21.818.970.000 | 20.105.600.000 |
| Chi phí xây lắp | 4.637.449.137 | - |
| Doanh thu xây lắp thi công cho Công ty con | 7.893.043.069 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu cho thuê xe | 900.000.000 | - |
| Mượn tiền Công ty con | 2.000.000.000 | - |
| Trả lại tiền mượn | 2.000.000.000 | - |
| Cho Công ty con mượn tiền | 12.800.000.000 | - |
| Thu hồi tiền cho mượn | 12.800.000.000 | - |
| <i>Công ty TNHH CM Xây dựng (Công ty con gián tiếp)</i> | | |
| Thanh toán tiền sản lượng thi công | 403.000.000 | 4.727.000.000 |
| Mua TSCĐ thanh lý | - | 560.000.000 |
| 3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng | | |
| 3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | | |
| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| <i>Phải thu bên liên quan</i> | <i>673.502.100</i> | <i>-</i> |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường – TKV | 673.502.100 | - |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>43.428.057.027</i> | <i>32.828.221.586</i> |
| Công ty TNHH MTV Than Khe Châm – Vinacomin | 6.873.352.793 | 6.446.540.289 |
| Công ty TNHH Ch.Kamchang | 2.370.249.716 | 1.561.121.780 |
| Công ty SK Engineering and Construction | 8.219.646.035 | 3.539.462.178 |
| Ban quản lý dự án Nhà máy Alumina Nhân cơ – Vinacomin | - | 10.495.011.347 |
| Duglas Alliance | 713.180.849 | 8.119.298.677 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 505 | 396.235.521 | 396.235.521 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch | 15.376.487.348 | - |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc | 5.906.047.298 | - |
| Các khách hàng khác | 3.572.857.467 | 2.270.551.794 |
| Cộng | 44.101.559.127 | 32.828.221.586 |
| 3b. Phải thu dài hạn của khách hàng | | |
| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>39.021.739.555</i> | <i>48.181.982.463</i> |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc | 8.021.217.725 | 16.042.435.452 |
| Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 4 | 5.772.774.000 | 11.487.356.000 |
| Công ty SK Engineering and Construction | 12.129.708.772 | 10.275.766.380 |
| Các khách hàng khác | 13.098.039.058 | 10.376.424.631 |
| Cộng | 39.021.739.555 | 48.181.982.463 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|--------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Trả trước cho các người bán khác</i> | 7.085.072.223 | 729.201.398 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn & Kỹ thuật Abel Việt Nam | 1.771.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hào | 1.157.099.717 | - |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp xây dựng Toàn Phát | - | 579.908.628 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Trường Phát | 3.837.592.759 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 319.379.747 | 149.292.770 |
| Cộng | 7.085.072.223 | 729.201.398 |

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Ông Phạm Văn Tùng vay với lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay 10 tháng. Khoản vay này đã được trả hết trong năm 2016.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | 1.861.225.349 | - | - | - |
| Ông Kim Ngọc Nhân - Ứng trước tiền lương | 1.346.270.868 | - | - | - |
| Ông Dương Ngọc Trường - Ứng trước tiền lương | 282.697.090 | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV - Tiền chi hộ | 232.257.391 | - | - | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | 54.612.084.104 | (21.540.049.741) | 42.359.775.954 | (15.078.034.819) |
| Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn | 475.317.429 | - | 621.195.817 | - |
| Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên - Tiền lãi vay, tiền chi hộ | 21.540.049.741 | (21.540.049.741) | 21.540.049.741 | (15.078.034.819) |
| Công ty TNHH Cavico Việt Nam - Tiền chi hộ | 12.610.656.272 | - | 1.429.560.272 | - |
| Công ty TNHH MTV Cavico khai thác mỏ Quảng Ninh - Tiền chi hộ | 3.000.000.000 | - | 3.000.000.000 | - |
| Tạm ứng | 1.364.045.825 | - | 11.504.705.017 | - |
| Ứng trước tiền lương | 179.399.317 | - | 2.921.759.871 | - |
| Dự thu lãi cho vay | - | - | 469.639.333 | - |
| Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 2.077.615.520 | - | 506.267.868 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Đặt cọc mua cổ phần | 13.200.000.000 | - | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 165.000.000 | - | 366.598.035 | - |
| Cộng | 56.473.309.453 | (21.540.049.741) | 42.359.775.954 | (15.078.034.819) |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6b. Phải thu dài hạn khác**

Là khoản ký cược, ký quỹ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định.

7. Nợ xấu

Toàn bộ các khoản nợ xấu đều là nợ phải thu về tiền bán hàng của các tổ chức, cá nhân không phải bên liên quan phát sinh từ các năm trước.

| | Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|---|-------------------------------|-----------------------|---------------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên | Trên 3 năm | 21.540.049.741 | | Từ 2 năm - đến dưới 3 năm | 21.540.049.741 | 6.462.014.922 |
| Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm | Trên 3 năm | 2.267.704.120 | | Từ 2 năm - đến dưới 3 năm | 2.267.704.120 | 680.311.236 |
| Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện | Trên 3 năm | 704.446.925 | | Từ 2 năm - đến dưới 3 năm | 704.446.925 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Việt Hoa | Trên 3 năm | 62.500.000 | | Từ 2 năm - đến dưới 3 năm | 62.500.000 | - |
| Công ty Cổ phần Anh Cao | Trên 3 năm | 55.850.000 | | Từ 2 năm - đến dưới 3 năm | 55.850.000 | - |
| Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Hạ tầng | Trên 3 năm | 28.000.000 | | Từ 2 năm - đến dưới 3 năm | 28.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc | Từ 1 năm đến dưới 2 năm | 5.906.047.298 | 2.953.023.649 | | | - |
| Cộng | | 30.564.598.084 | 2.953.023.649 | | 24.658.550.786 | 7.142.326.158 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Nợ phải thu ngắn hạn | Nợ phải thu dài hạn | Cộng |
|----------------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 16.478.590.830 | 1.037.633.798 | 17.516.224.628 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 10.095.349.807 | - | 10.095.349.807 |
| Phân loại lại | 1.037.633.798 | (1.037.633.798) | - |
| Số cuối năm | 27.611.574.435 | - | 27.611.574.435 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Hàng tồn kho**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|------------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi trên đường | 62.481.000 | - | - | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 5.880.371.184 | - | 4.723.615.059 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 101.132.306.080 | - | 67.182.231.885 | - |
| Thành phẩm | 160.252.268 | - | - | - |
| Cộng | 107.235.410.532 | - | 71.905.846.944 | - |

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ | 1.380.689.398 | 2.493.303.828 |
| Chi phí xuất nhập cảnh lao động | - | 1.627.016.176 |
| Phí bảo lãnh | 470.504.949 | 344.755.002 |
| Chi phí sửa chữa | 260.064.281 | 504.765.447 |
| Chi phí thuê văn phòng, thuê sân, bãi đỗ xe | 169.090.908 | - |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 111.031.593 | 67.977.957 |
| Cộng | 2.391.381.129 | 5.037.818.410 |

9b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ | 359.446.217 | 1.834.174.017 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 9.600.000 | 48.000.000 |
| Cộng | 369.046.217 | 1.882.174.017 |

10. Tài sản cố định hữu hình

| | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---------------------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 22.736.073.522 | 14.662.910.175 | 445.908.848 | 37.844.892.545 |
| Mua trong năm | 1.576.392.205 | 4.430.000.000 | - | 6.006.392.205 |
| Thanh lý, nhượng bán | (1.904.925.633) | (9.325.904.330) | - | (11.230.829.963) |
| Số cuối năm | 22.407.540.094 | 9.767.005.845 | 445.908.848 | 32.620.454.787 |
| Trong đó: | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 9.819.841.220 | 557.289.573 | 319.654.303 | 10.696.785.096 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 13.754.368.031 | 7.213.039.235 | 359.470.453 | 21.326.877.719 |
| Khấu hao trong năm | 2.936.595.169 | 2.033.208.816 | 48.751.518 | 5.018.555.503 |
| Thanh lý, nhượng bán | (1.904.925.633) | (5.900.076.343) | - | (7.805.001.976) |
| Số cuối năm | 14.786.037.567 | 3.346.171.708 | 408.221.971 | 18.540.431.246 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|------------------------|------------------------|---------------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 8.981.705.491 | 7.449.870.940 | 86.438.395 | 16.518.014.826 |
| Số cuối năm | 7.621.502.527 | 6.420.834.137 | 37.686.877 | 14.080.023.541 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.377.498.688 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Hoàng Quốc Việt.

11. Tài sản cố định vô hình

| | Nhãn hiệu, tên thương mại | Chương trình phần mềm | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------------|--------------------------|--------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 209.455.000 | 38.000.000 | 247.455.000 |
| Số cuối năm | 209.455.000 | 38.000.000 | 247.455.000 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 38.000.000 | 38.000.000 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 34.909.162 | 38.000.000 | 72.909.162 |
| Khấu hao trong năm | 20.945.496 | - | 20.945.496 |
| Số cuối năm | 55.854.658 | 38.000.000 | 93.854.658 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 174.545.838 | - | 174.545.838 |
| Số cuối năm | 153.600.342 | - | 153.600.342 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

12. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn**12a. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 9.850.569.183 | 7.195.082.375 |
| Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại | 162.669.421 | 1.205.376.665 |
| Công ty TNHH CM Xây dựng | 5.586.705.710 | 5.989.705.710 |
| Công ty Cổ phần Xây lắp môi trường - TKV | 4.101.194.052 | - |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 59.369.930.893 | 13.615.763.518 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TM Trung Hải | 25.749.712.711 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Huế Sài Gòn | 5.822.180.350 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z | 4.500.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hào | - | 3.688.117.083 |
| Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Huy Hùng | 5.111.827.647 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Bản Việt | 1.486.590.557 | 1.680.493.647 |
| Các nhà cung cấp khác | 16.699.619.628 | 8.247.152.788 |
| Cộng | <u>69.220.500.076</u> | <u>20.810.845.893</u> |

12b. Phải trả người bán dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | 6.624.090.435 | 15.481.396.818 |
| Công ty TNHH Hòa Hiệp | 2.401.825.000 | 2.401.825.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hào | 200.000.000 | 8.009.903.225 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 505 | 2.979.182.278 | 2.979.182.278 |
| Các nhà cung cấp khác | 1.043.083.157 | 2.090.486.315 |
| Cộng | <u>6.624.090.435</u> | <u>15.481.396.818</u> |

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Trả trước của bên liên quan</i> | - | 3.575.495.090 |
| Công ty Cổ phần Xây lắp môi trường – TKV | - | 3.575.495.090 |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | 27.804.664.466 | 15.393.487.568 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và đô thị Huế Sài Gòn | 6.799.894.000 | - |
| Duglas Alliance | 4.378.000.000 | 4.378.000.000 |
| Công ty SK Engineering and Construction | 7.953.918.365 | 7.397.017.139 |
| Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc | - | 2.115.170.429 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch | 8.672.852.101 | - |
| Các khách hàng khác | - | 1.503.300.000 |
| Cộng | <u>27.804.664.466</u> | <u>18.968.982.658</u> |

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã thực nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|---|-----------------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 904.716.607 | (904.716.607) | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 73.493.616 | (73.493.616) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 5.485.988.469 | 1.308.703.220 | (5.761.988.469) | 1.032.703.220 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động SXKD ở nước ngoài (*)</i> | | 365.591.016 | (276.000.000) | 89.591.016 |
| <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động SXKD ở trong nước</i> | 5.485.988.469 | 943.112.204 | (5.485.988.469) | 943.112.204 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 715.477.963 | 1.177.752.746 | (1.677.603.425) | 215.627.284 |
| Các loại thuế khác | - | 153.000.000 | (153.000.000) | - |
| Cộng | <u>6.201.466.432</u> | <u>3.617.666.189</u> | <u>(8.570.802.117)</u> | <u>1.248.330.504</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Trong năm, Công ty phát sinh thêm khoản thuế TNDN năm 2015 nộp bổ sung cho dự án Xenamroy tại Lào là 276 triệu đồng.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------------|-----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 2.120.009.510 | 27.111.783.266 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 4.011.015.852 | 3.687.884.092 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | | |
| Chi phí khấu hao TSCĐ xe ô tô trên 1,6 tỷ đồng | 682.360.354 | 601.297.802 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ không sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh | 175.932.056 | 967.399.563 |
| Phạt chậm nộp tiền thuế, BHXH | 1.380.486.042 | 2.679.924.861 |
| Chênh lệch Chi phí thuế nộp tại Lào | 276.000.000 | 178.760.935 |
| Chênh lệch tỷ giá đánh giá các tài khoản tiền, các khoản phải thu | 248.146.185 | - |
| Chênh lệch công nợ theo biên bản đối chiếu công nợ hạch toán vào chi phí khác | 619.551.982 | - |
| Hoàn nhập lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền và các khoản phải thu năm trước | 628.539.233 | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | | |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm | - | (628.539.233) |
| Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm trước | - | (110.959.836) |
| Thu nhập chịu thuế | 6.131.025.362 | 30.799.667.358 |
| Thu nhập được miễn thuế | (967.509.260) | (1.341.019.419) |
| Lỗi các năm trước được chuyển | | |
| Thu nhập tính thuế | 5.163.516.102 | 29.458.647.939 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 22% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 1.032.703.220 | 6.480.902.547 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | - | 969.723.582 |
| Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 1.032.703.220 | 7.450.626.129 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuê 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 719.403.291 | 188.935.805 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 78.554.331 | 85.299.441 |
| Trích trước chi phí công trình | 640.848.960 | - |
| Chi phí sửa chữa TSCĐ | - | 103.636.364 |
| Cộng | <u>719.403.291</u> | <u>188.935.805</u> |

16. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 1.930.499.615 | 14.616.875.615 |
| Kinh phí công đoàn | 262.926.000 | - |
| Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp | 251.138.705 | 1.577.993.948 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 1.114.930.426 | 3.650.432.753 |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát | - | 1.120.314.660 |
| Công ty TNHH Kinh doanh tổng hợp Huy Hùng | - | 5.111.827.647 |
| Công ty SK Engineering and Construction | - | 1.228.587.281 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 301.504.484 | 1.927.719.326 |
| Cộng | <u>1.930.499.615</u> | <u>14.616.875.615</u> |

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**17a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i> | 2.139.471.321 | 3.132.980.581 |
| Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại ⁽ⁱ⁾ | 2.139.471.321 | 3.132.980.581 |
| <i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 31.883.826.592 | 42.432.902.385 |
| Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - PGD Mỹ Đình | - | 7.815.988.507 |
| Vay Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt ⁽ⁱⁱ⁾ | 15.655.207.185 | 19.297.670.720 |
| Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 15.895.286.407 | 13.985.909.826 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b) | 333.333.000 | 1.333.333.332 |
| Cộng | <u>34.023.297.913</u> | <u>45.565.882.966</u> |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

⁽ⁱ⁾ Khoản vay không có tài sản đảm bảo Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 1,5%/năm, không xác định thời hạn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp, thời hạn vay 08 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để thanh toán các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp, thời hạn vay 04 tháng hoặc 05 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ cho từng khoản vay. Các khoản vay này được đảm bảo quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế đang thể chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển từ vay dài hạn | Tăng khác do đánh giá CLTG cuối năm | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm |
|------------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|-------------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn bên liên quan | 3.132.980.581 | 2.500.000.000 | - | - | (86.327.635.738) | 2.139.471.321 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 41.099.569.053 | 76.571.791.766 | - | 206.768.511 | (3.493.509.260) | 31.550.493.592 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân (*) | - | 3.160.000.000 | - | - | (3.160.000.000) | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 1.333.333.332 | - | 333.334.668 | - | (1.333.335.000) | 333.333.000 |
| Cộng | 45.565.882.966 | 82.231.791.766 | 333.334.668 | 206.768.511 | (94.314.479.998) | 34.023.297.913 |

(*) Là khoản vay cá nhân bà Đinh Thị Thủy – Phó Tổng Giám đốc Công ty với lãi suất 5,7%/năm để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay đã được thanh toán trong năm.

17b. Vay dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Liên Việt – Phòng giao dịch Mỹ Đình để mua máy bơm bê tông nhãn hiệu Deawoo với lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 27 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn này.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------|--------------------|----------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 333.334.668 | 1.333.333.332 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | - | 333.334.668 |
| Trên 5 năm | - | - |
| Cộng | 333.334.668 | 1.666.668.000 |

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

| | |
|------------------------------|---------------|
| Số đầu năm | 333.334.668 |
| Kết chuyển sang vay ngắn hạn | (333.334.668) |
| Số cuối năm | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong năm | Số cuối năm |
|-----------------|----------------------|--------------------------------|-------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 857.610.520 | - | - | 857.610.520 |
| Quỹ phúc lợi | 465.640.792 | - | - | 465.640.792 |
| Cộng | 1.323.251.312 | - | - | 1.323.251.312 |

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|----------------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 80.000.000.000 | - | 3.075.711.641 | 22.885.643.403 | 105.961.355.044 |
| Chi cổ tức bằng cổ phiếu | 12.000.000.000 | - | - | (12.000.000.000) | - |
| Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền | 80.000.000.000 | - | - | - | 80.000.000.000 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 19.661.157.137 | 19.661.157.137 |
| Trích lập các quỹ | - | - | 805.598.195 | (805.598.195) | - |
| Thủ lao HĐQT | - | - | - | (258.000.000) | (258.000.000) |
| Chi phí phát hành cổ phiếu | - | (211.950.000) | - | - | (211.950.000) |
| Số dư cuối năm trước | 172.000.000.000 | (211.950.000) | 3.881.309.836 | 29.483.202.345 | 205.152.562.181 |
| Số dư đầu năm nay | 172.000.000.000 | (211.950.000) | 3.881.309.836 | 29.483.202.345 | 205.152.562.181 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | 1.087.306.290 | 1.087.306.290 |
| Trích lập các quỹ | - | - | 946.629.999 | (946.629.999) | - |
| Chia cổ tức, lợi nhuận | - | - | - | (17.200.000.000) | (17.200.000.000) |
| Thủ lao HĐQT | - | - | - | (129.000.000) | (129.000.000) |
| Số dư cuối năm nay | 172.000.000.000 | (211.950.000) | 4.827.939.835 | 12.294.878.636 | 188.910.868.471 |

19b. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 17.200.000 | 17.200.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 17.200.000 | 17.200.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 17.200.000 | 17.200.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 17.200.000 | 17.200.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 17.200.000 | 17.200.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19c. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 ngày 25 tháng 3 năm 2016 như sau:

| | |
|-------------------------------|------------------|
| | VND |
| • Chia cổ tức cho các cổ đông | : 17.200.000.000 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | : 946.629.999 |

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|--------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 12.655,37 | 183.412,69 |
| Kip Lào (LAK) | 1.147.366,20 | 1.772.320,20 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | - | 14.020.051.279 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 737.800.000 | - |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 4.048.200.510 | 8.815.556.734 |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng | 184.336.504.835 | 269.040.591.310 |
| Cộng | <u>189.122.505.345</u> | <u>291.876.199.323</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con.

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | - | 14.029.993.261 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 359.235.410 | - |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 3.311.278.688 | 5.950.940.597 |
| Giá vốn của hợp đồng xây dựng | 156.297.450.922 | 225.586.985.832 |
| Cộng | <u>159.967.965.020</u> | <u>245.567.919.690</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 1.177.937.586 | 1.316.438.194 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 34.425.875 | 28.970.592 |
| Lãi tiền cho vay | 73.819.375 | 469.639.333 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 967.509.260 | 1.341.019.419 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 629.525.700 | 1.461.292.619 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 41.629.359 | 1.189.777.963 |
| Doanh thu tài chính khác | - | 4.901.516 |
| Cộng | <u>2.924.847.155</u> | <u>5.812.039.636</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay | 2.497.267.725 | 2.740.283.408 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 952.546.525 | 2.682.102.160 |
| Dự phòng dự phòng tổn thất đầu tư | 803.401.192 | - |
| Chi phí tài chính khác | 931.183 | 11.610.667 |
| Cộng | <u>4.254.146.625</u> | <u>5.433.996.235</u> |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 6.409.347.381 | 7.483.164.811 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 293.333.333 | - |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 854.190.674 | 1.069.188.750 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.830.525.402 | 2.304.612.455 |
| Thuế, phí và lệ phí | 300.685.992 | 362.262.199 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 10.095.349.807 | 5.158.525.736 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.133.615.200 | 4.201.675.384 |
| Các chi phí khác | - | 60.386.491 |
| Cộng | <u>22.917.047.789</u> | <u>20.639.815.826</u> |

6. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------------|------------------------------|
| Thu tiền nhượng cấp dầu | 60.786.900 | 6.066.445.761 |
| Thu phí bảo hiểm được hoàn | 97.014.473 | 1.612.744.821 |
| Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng | - | 3.586.043.850 |
| Thu tiền bán vật liệu nổ | - | 796.208.499 |
| Thu từ dịch vụ khoan và nổ mìn | - | 536.594.635 |
| Thu từ thanh lý vật tư | - | 722.001.818 |
| Thu từ nhượng cấp thiết bị, vật tư | - | 826.803.913 |
| Thu tiền thí nghiệm công trình | - | 49.282.764 |
| Thu từ vận chuyển thiết bị từ Việt Nam sang Lào | 116.026.700 | - |
| Thu nhập khác | 109.072.888 | 188.535.498 |
| Cộng | <u>382.900.961</u> | <u>14.384.661.559</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| Lỗ thanh lý TSCĐ | 560.373.441 | 441.585.872 |
| <i>Thu từ thanh lý</i> | <i>2.865.454.546</i> | <i>1.391.818.182</i> |
| <i>Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý</i> | <i>3.425.827.987</i> | <i>1.833.404.054</i> |
| Chi phí cung cấp dầu | 57.604.162 | 5.492.534.370 |
| Chi phí bán vật liệu nổ | - | 796.208.499 |
| Giá trị vật tư thanh lý | - | 2.624.835.885 |
| Chi phí thí nghiệm công trình | - | 49.282.764 |
| Chi phí dịch vụ khoan và nổ mìn | - | 415.076.813 |
| Các khoản tiền phạt chậm nộp bảo hiểm | 203.249.678 | 715.627.840 |
| Chi phí tiền điện | - | 123.182.312 |
| Các khoản tiền phạt thuế, truy thu thuế | 1.177.236.364 | 1.964.297.021 |
| Chi phí thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài không được khấu trừ | 276.000.000 | 178.760.935 |
| Chi phí thuế kho bãi để vật tư | 147.250.000 | - |
| Chi phí khác | 749.370.872 | 517.993.190 |
| Cộng | <u>3.171.084.517</u> | <u>13.319.385.501</u> |

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị/thành viên và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| <i>Các thành viên Hội đồng quản trị</i> | | |
| Phụ cấp chi trả cho HĐQT | 138.000.000 | 258.000.000 |
| <i>Ban Tổng Giám đốc</i> | | |
| Vay Bà Đinh Thị Thủy | 3.160.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 1.809.240.000 VND (năm trước là 2.025.190.217 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|--|-----------------------|
| Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại | Công ty con trực tiếp |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường – TKV | Công ty con trực tiếp |
| Công ty TNHH CM Xây dựng | Công ty con gián tiếp |
| Công ty Cổ phần CM Thành Đông | Công ty con gián tiếp |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3a, V.12a và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. **Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. *Thông tin về khu vực địa lý*

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực ngoài nước.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

| | Khu vực trong nước | Khu vực nước ngoài | Cộng |
|--|---------------------------|---------------------------|------------------------|
| Năm nay | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 97.728.946.731 | 91.393.558.614 | 189.122.505.345 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 97.728.946.731 | 91.393.558.614 | 189.122.505.345 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | | | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 23.232.415.594 | 5.922.124.731 | 29.154.540.325 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | (22.917.047.789) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | 6.237.492.536 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | 2.924.847.155 |
| Chi phí tài chính | | | (4.254.146.625) |
| Thu nhập khác | | | 382.900.961 |
| Chi phí khác | | | (3.171.084.517) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | (1.032.703.220) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | 1.087.306.290 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 5.721.967.959 | 291.727.273 | 6.013.695.232 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 6.559.931.826 | 76.649.317 | 6.636.581.143 |
| Năm trước | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 159.015.088.366 | 132.861.110.957 | 291.876.199.323 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 159.015.088.366 | 132.861.110.957 | 291.876.199.323 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 21.793.331.499 | 24.514.948.134 | 46.308.279.633 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | (20.639.815.826) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | 25.668.463.807 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | 5.812.039.636 |
| Chi phí tài chính | | | (5.433.996.235) |
| Thu nhập khác | | | 14.384.661.559 |
| Chi phí khác | | | (13.319.385.501) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | (7.450.626.129) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | 19.661.157.137 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 5.435.815.858 | 4.541.761.045 | 9.977.576.903 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 4.435.091.932 | 3.705.631.002 | 8.140.722.934 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

| | <u>Khu vực trong nước</u> | <u>Khu vực nước ngoài</u> | <u>Cộng</u> |
|--|---------------------------|---------------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 169.419.979.664 | 42.041.344.314 | 211.461.323.978 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | 1.587.571.619 | 1.326.456.069 | 2.914.027.688 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | 126.761.064.566 |
| Tổng tài sản | | | 341.136.416.232 |
| | | | |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 91.061.359.064 | 12.587.895.913 | 103.649.254.977 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | 24.011.771.529 | 20.062.439.824 | 44.074.211.353 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | 4.502.081.431 |
| Tổng nợ phải trả | | | 152.225.547.761 |
| | | | |
| Số đầu năm | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 182.682.530.222 | 38.144.954.054 | 220.827.484.276 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | 12.864.194.563 | 10.748.358.528 | 23.612.553.091 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | 99.284.896.905 |
| Tổng tài sản | | | 343.724.934.272 |
| | | | |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 5.112.313.272 | 16.757.730.167 | 21.870.043.439 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | 51.510.115.208 | 43.037.998.484 | 94.548.113.693 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | 22.154.214.959 |
| Tổng nợ phải trả | | | 138.572.372.091 |

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Xây dựng, lắp đặt công trình.
- Lĩnh vực thương mại: Bán vật tư, hàng hóa, thành phẩm.
- Lĩnh vực Dịch vụ: Cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động, cho thuê văn phòng và cho thuê thiết bị thi công.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------|------------------------|------------------------|
| Lĩnh vực xây lắp | 187.200.747.434 | 269.040.591.310 |
| Lĩnh vực thương mại | 737.800.000 | 8.815.556.734 |
| Lĩnh vực Dịch vụ | 1.183.957.911 | 14.020.051.279 |
| Cộng | 189.122.505.345 | 291.876.199.323 |

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | <u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u> | <u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u> | <u>Cộng</u> |
|---|---|---------------------------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 18.157.241.050 | - | 18.157.241.050 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 8.531.517.596 | - | 8.531.517.596 |
| Phải thu khách hàng | 74.098.750.339 | 9.024.548.343 | 83.123.298.682 |
| Các khoản phải thu khác | 33.019.646.612 | 21.540.049.741 | 54.559.696.353 |
| Cộng | 136.760.179.246 | 27.611.574.435 | 164.371.753.681 |
| Số đầu năm | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 58.787.051.446 | - | 58.787.051.446 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 20.271.517.596 | - | 20.271.517.596 |
| Phải thu khách hàng | 77.891.703.004 | 3.118.501.045 | 81.010.204.049 |
| Các khoản cho vay | 11.574.000.000 | - | 11.574.000.000 |
| Các khoản phải thu khác | 8.385.825.815 | 21.540.049.741 | 29.925.875.556 |
| Cộng | 176.910.097.861 | 24.658.550.786 | 201.568.648.647 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|------------------------|-----------------------|------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Phải trả người bán | 69.220.500.076 | 6.624.090.435 | - | 75.844.590.511 |
| Vay và nợ | 34.023.297.913 | - | - | 34.023.297.913 |
| Các khoản phải trả khác | 1.494.989.241 | - | - | 1.494.989.241 |
| Cộng | 104.738.787.230 | 6.624.090.435 | - | 111.362.877.665 |
| Số đầu năm | | | | |
| Phải trả người bán | 20.810.845.893 | 15.481.396.818 | - | 36.292.242.711 |
| Vay và nợ | 45.565.882.966 | 333.334.668 | - | 45.899.217.634 |
| Các khoản phải trả khác | 13.227.817.472 | 12.621.600 | - | 13.240.439.072 |
| Cộng | 79.604.546.331 | 15.827.353.086 | - | 95.431.899.417 |

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và LAK do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------------------|-------------------------|-------------------|-------------------------|
| | USD | LAK | USD | LAK |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 12.655,37 | 1.147.366,20 | 183.412,69 | 1.772.320,20 |
| Phải thu khách hàng | 1.043.628,57 | - | 1.094.899,50 | - |
| Vay và nợ | (360.719,81) | - | (719.981,57) | - |
| Phải trả người bán | (7.642,50) | (191.582.572,48) | (520,00) | (184.795.618,97) |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ | 687.921,63 | (190.435.206,28) | 557.810,62 | (183.023.298,77) |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ tăng/giảm 250.843.743 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 195.454.752 VND).

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và LAK đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-------------------------|----------|-----------------------|---------------------|
| | VND | USD | VND | USD |
| Các khoản tương đương tiền | 10.500.000.000 | - | 25.174.416.667 | - |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 8.531.517.596 | - | 20.271.517.596 | - |
| Vay và nợ | (34.023.297.913) | - | (26.606.053.477) | (719.981,57) |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần | (14.991.780.317) | - | 18.839.880.786 | (719.981,57) |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

3d. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh tế để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây (xem thuyết minh số V.17a). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 24.453.699.073 VND.

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 18.157.241.050 | - | 58.787.051.446 | - |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 8.531.517.596 | - | 20.271.517.596 | - |
| Phải thu khách hàng | 83.123.298.682 | (6.071.524.694) | 81.010.204.049 | (2.438.189.809) |
| Các khoản cho vay | - | - | 11.574.000.000 | - |
| Các khoản phải thu khác | 54.559.696.353 | (21.540.049.741) | 29.925.875.556 | (15.078.034.819) |
| Cộng | 164.371.753.681 | (27.611.574.435) | 201.568.648.647 | (17.516.224.628) |

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------|------------------------|-----------------------|
| Phải trả người bán | 72.134.367.389 | 45.899.217.634 |
| Vay và nợ | 34.023.297.913 | 36.292.242.711 |
| Các khoản phải trả khác | 1.494.989.241 | 13.240.439.072 |
| Cộng | 107.652.654.543 | 95.431.899.417 |

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 252 Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH DỰ ÁN XENAMNOY

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Năm nay |
|---|-----------------|
| 1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 189.122.505.345 |
| 2. Doanh thu dự án Xaynamnoy | 54.200.344.870 |
| 3. Giá vốn dự án Xaynamnoy | 50.500.369.096 |
| 4. Chi phí quản lý doanh nghiệp toàn Công ty | 22.917.047.789 |
| 5. Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi+các khoản chi khác | 10.095.349.807 |
| 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp được phân bổ | 12.821.697.982 |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ cho dự án | 3.252.020.692 |
| 8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 447.955.082 |
| 9. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam | 20% |
| 10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Việt Nam | 89.591.016 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 358.364.066 |

Người lập biểu

Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 26 tháng 3 năm 2017



Kim Ngọc Nhân

